TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
*
Số 330 - BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 18/8/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008 - 2010 và định hướng đến năm 2020

Triển khai Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 18/8/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 16), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết với những nội dung chủ yếu như sau:

A. TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN

I. Tình hình chung

Sau khi có Nghị quyết 16, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện như: thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT cấp tỉnh (nay là Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng theo chỉ đạo tại Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 28/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ); phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; phê duyệt kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh các giai đoạn 2009-2010, 2011-2015, 2016-2020 và từng năm theo chỉ đạo tại Nghị quyết 16.

Triển khai Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện số 4700/KH-UBND ngày 11/8/2016 và các Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng phiên bản 1.0; số 1365/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 phê duyệt Đề án "Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh" giai đoạn 2018-2025,...

Các sở, ban, ngành, địa phương đã kịp thời, tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đồng bộ, sâu rộng từ chương trình hành động, kế hoạch đến tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết 16 tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

Theo kết quả ứng dụng CNTT phát triển Chính phủ điện tử trong cơ quan nhà nước năm 2017 (do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố), tỉnh Lâm Đồng xếp hạng 03/63 tỉnh, thành phố. Trong đó các tiêu chí đạt vị trí cao gồm: Hạ

tầng kỹ thuật CNTT xếp thứ 01; ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ xếp thứ 01; cung cấp dịch vụ công trực tuyến xếp thứ 03.

II. Kết quả sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 16

1. Hạ tầng CNTT

Năm 2008, có 93% cơ quan, đơn vị cấp sở có mạng nội bộ (LAN), 10 đơn vị có trang thông tin điện tử (TTĐT). Đến nay, 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có mạng LAN; 100% cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trang TTĐT; hệ thống mạng LAN được duy trì ổn định, kết nối mạng internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo công tác quản lý, điều hành qua môi trường mạng.

Hệ thống mạng Campus Trung tâm hành chính tỉnh hoạt động từ năm 2015 khi các sở, ban, ngành chuyển về trung tâm hành chính tập trung, đến nay có trên 1.700 người dùng, 54 máy chủ, 02 đường truyền chuyên dụng, 37 đường kết nối internet của 54 đơn vị (18 đơn vị cấp sở, 36 đơn vị trực thuộc sở) hoạt động trong khu hành chính tập trung.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng và nhà nước trên địa bàn tỉnh (do Tập đoàn VNPT quản lý) đã được cáp quang hóa đến 59 cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và 147 cơ quan cấp xã; mạng truyền dẫn cáp quang, mạng viễn thông nông thôn đã phát triển đến 100% đơn vị cấp xã; mạng di động phủ sóng toàn tỉnh; dịch vụ điện thoại cố định và internet tốc độ cao phát triển đến tất cả các xã.

Hệ thống phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến sử dụng đường truyền cáp quang được triển khai lắp đặt tại 33 điểm cầu trên địa bàn tỉnh, đảm bảo điều kiện kỹ thuật cho tất cả các cuộc họp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

2. Về ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

Đến nay, phần lớn hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước đều thực hiện qua môi trường điện tử, thông qua triển khai các ứng dụng CNTT như: hệ thống văn phòng điện tử, thư điện tử, chứng thư số, trang TTĐT,... cụ thể như sau:

- 100% cơ quan hành chính nhà nước triển khai hệ thống văn phòng điện tử được kết nối liên thông và tích hợp chứng thư số;

- 100% cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tại địa chỉ: mail.lamdong.gov.vn để trao đổi văn bản điện tử;

- 100% cơ quan, đơn vị kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã; 95% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử.

Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước đã giúp nâng cao hiệu

quả công tác chỉ đạo, điều hành, công khai, minh bạch thông tin và hiện đại hóa nền hành chính, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đến nay, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ http://www.motcua.lamdong.gov.vn đã triển khai thống nhất đến 20/20 cơ quan cấp tỉnh, 12/12 UBND cấp huyện, 84/147 UBND cấp xã. Tính đến tháng 9/2018, các đơn vị cấp tỉnh cung cấp 1.191 thủ tục hành chính (TTHC), cấp huyện cung cấp 349 TTHC; cấp xã cung cấp 105 TTHC; đã triển khai 548 dịch vụ công mức độ 3 và 4 (378 dịch vụ mức độ 3 và 170 dịch vụ mức độ 4).

Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến được tích hợp lên Cổng TTĐT của tỉnh, trang TTĐT của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và kết nối công khai kết quả xử lý TTHC trên Cổng TTĐT của Chính phủ. Nhìn chung, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến hoạt động ổn định, giúp việc tiếp nhận và giải quyết TTHC công khai, công bằng, minh bạch, tăng cường tính trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương của cán bộ công chức trong thực thi công vụ.

Cổng TTĐT của tỉnh sử dụng 02 ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt tại địa chỉ https://www.lamdong.gov.vn, gồm 60 trang thành viên của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; nội dung đăng tải bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, kịp thời tuyên truyền, phổ biến công tác chỉ đạo, điều hành đến cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; phản ánh kịp thời các sự kiện kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật TTHC đã được chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu (CSDL) trên Cổng TTĐT và liên kết đến các trang TTĐT của các sở, ban ngành, địa phương; công khai, minh bạch đầy đủ thông tin về TTHC của các cơ quan nhà nước. Trung bình hàng năm có hơn 1,2 triệu lượt người từ hơn 50 quốc gia truy cập vào cổng TTĐT của tỉnh.

UBND tỉnh đã thành lập, công khai đường dây nóng và chuyên mục hỏi, đáp trực tuyến trên Cổng TTĐT của tỉnh và trang TTĐT của các sở, ban, ngành, địa phương; chuyên mục hỏi, đáp trực tuyến "Tiếp nhận - Trả lời góp ý" tại địa chỉ http://traloigopy.lamdong.gov.vn hoạt động thông suốt để tiếp nhận thông tin do người dân, doanh nghiệp phản ánh, đăng tải kịp thời, đầy đủ thông tin phản hồi của các cơ quan.

4. Ứng dụng CNTT trong một số ngành, lĩnh vực

Các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành ngày càng được hoàn thiện về quy mô, phạm vi và số lượng, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan nhà nước, đặc biệt trong các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, thuế, tài chính, hải quan, đăng ký kinh doanh, đất đai, du lịch, ...

a) Ngành giáo dục và đào tạo

Thời gian qua, ngành giáo dục và đào tạo luôn chú trọng đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy. Hiện nay, ngành đã xây dựng nhiều CSDL phục vụ công tác quản lý, giảng dạy; 100% trường học triển khai đồng bộ các ứng dụng như: quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử, ...

Ứng dụng CNTT phục vụ đổi mới công tác giảng dạy luôn được giáo viên thực hiện thường xuyên mang lại hiệu quả thiết thực; hầu hết giáo viên sử dụng phần mềm trình chiếu và các phần mềm dạy học khác; đã triển khai kho học liệu số (bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác) dùng chung cho giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tại địa chỉ https://lamdong.violet.vn/.

b) Ngành y tế

Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế trong thời gian qua đã có những chuyển đổi lớn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân. Nhiều ứng dụng đã triển khai như: hệ thống quản lý thông tin bệnh viện, CSDL quản lý tiêm chủng mở rộng, ... giúp trao đổi chuyên môn trong toàn ngành; hệ thống khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế giúp trao đổi dữ liệu giữa các ngành có liên quan; ứng dụng thành công các kỹ thuật cao trong các hoạt động khám, chữa bệnh như chụp cắt lớp, mổ nội soi; đào tạo, trao đổi thông tin, hội chẩn, tham vấn chuyên môn qua hệ thống Telemedicine (y học từ xa) giữa các bệnh viện, ... ứng dụng CNTT góp phần triển khai dự án bệnh viện vệ tinh Lâm Đồng nhằm kết nối với các bệnh viện tuyến dưới, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên; triển khai ứng dụng kết nối thông tin đối với các cơ sở kinh doanh bán buôn, bán lẻ thuốc tân dược, dược liệu trên địa bàn tỉnh.

c) Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng

Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng thường xuyên được quan tâm, đẩy mạnh. Hiện nay, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã triển khai phần mềm quản lý văn bản đến tất cả cơ quan, đơn vị trong lực lượng vũ trang tỉnh. Việc trao đổi văn bản giữa Quân khu và Bộ chỉ huy thực hiện qua mạng truyền số liệu quân sự giúp công tác chỉ huy, điều hành nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao. Ngoài ra, đơn vị còn triển khai các phần mềm, CSDL chuyên ngành như: Phần mềm thông báo bay, phần mềm quản lý hồ sơ chính sách, ... hoạt động hiệu quả đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý ngành, chuyên môn. Có 02 hệ thống truyền hình trực tuyến vận hành ổn định, hiệu quả và độc lập là: hệ thống họp trực tuyến với Quân khu, Bộ Quốc phòng và hệ thống họp với Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

Trong lực lượng công an nhân dân đã xây dựng hệ thống mạng máy tính nội bộ kết nối với mạng diện rộng ngành công an. Công tác đảm bảo an toàn thông tin được chú trọng với các giải pháp an toàn cho hệ thống, ban hành nhiều quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đã cập nhật, cung cấp 66 TTHC/08 lĩnh vực đạt mức độ 2 trên trang tin điện tử của ngành; nhiều ứng dụng CNTT phục vụ nghiệp vụ công an đã và đang được triển khai như: Quản lý thông tin đối tượng vụ việc; quản lý thông tin phạm nhân; hộ chiếu điện tử; quản lý thông tin cán bộ;... Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật CNTT được cải thiện, ứng dụng CNTT đã phát huy hiệu quả, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ huy.

d) Ứng dụng CNTT trong các ngành kinh tế khác

- Ngành du lịch thường xuyên ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý và chuyên môn của ngành. Triển khai và duy trì vận hành tốt phần mềm quản lý cơ sở lưu trú du lịch phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước giữa các ngành du lịch, công an, thuế, thống kê, ... đa số cơ sở lưu trú du lịch tiến hành đăng ký lưu trú qua mạng. Hiện đang thí điểm cổng du lịch thông minh tại địa chỉ https://dalatcity.org/ có tính tương tác cao giúp tăng hiệu quả quản lý của cơ quan nhà nước, hỗ trợ ứng dụng thông minh trên thiết bị di động tạo điều kiện thuận lợi để du khách tra cứu thông tin, các doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, dịch vụ, xây dựng thương hiệu riêng, thuận lợi trong liên kết tạo ra chuỗi cung ứng dịch vụ.

- Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã tích cực ứng dụng CNTT trong quản lý trên các lĩnh vực, hiện nay đã đưa vào sử dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh, cho phép cập nhật biến động tăng, giảm rừng và đất lâm nghiệp trong từng tiểu khu; triển khai cơ sở dữ liệu công trình nước sạch nông thôn trên phạm vi toàn tỉnh góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn tỉnh.

- Ngành thuế đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT để cải cách TTHC, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Đã triển khai khai thuế điện tử từ tháng 7/2011, dịch vụ nộp thuế điện tử từ tháng 4/2015 cho tất cả doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và dịch vụ hoàn thuế điện tử từ tháng 8/2017 đối với các doanh nghiệp hoàn thuế hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và dự án đầu tư. Đến nay có trên 99% doanh nghiệp thực hiện khai thuế qua mạng, 100% hồ sơ hoàn thuế thực hiện và giải quyết bằng phương thức điện tử và có 95,4% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử. Ngành thuế tỉnh đã phối hợp với các cơ quan trong hệ thống tài chính triển khai ứng dụng trao đổi thông tin, thu nộp thuế với Kho bạc và các đơn vị trong ngành tài chính, hải quan; phối hợp với Sở

Kế hoạch và Đầu tư triển khai việc đăng ký thuế, cấp mã số thuế và đăng ký kinh doanh một cửa liên thông đối với người nộp thuế để đơn giản, cải cách TTHC và rút ngắn thời gian làm thủ tục đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giải quyết TTHC, giải quyết hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, ...

- Ngành tài chính, kho bạc, ngân hàng: đã triển khai ứng dụng hiệu quả nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quản lý, điều hành như: quản lý ngân sách, hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách, CSDL quốc gia về tài sản, CSDL quốc gia về giá, hệ thống thông tin Tabmis, hệ thống thanh toán liên ngân hàng, thanh toán trực tuyến, gửi tiết kiệm trực tuyến online,...

- Trong các doanh nghiệp, ứng dụng CNTT được đầu tư mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập. Nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng thành công các hệ thống quản lý, quản trị doanh nghiệp, đồng thời nắm bắt xu thế phát triển của thương mại điện tử, internet, ứng dụng trực tuyến để quảng bá thương hiệu và sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm chi phí kinh doanh và tăng doanh thu, lợi nhuận. Trên địa bàn tỉnh có 4.854 tên miền các loại, trong đó có 2.105 tên miền Việt Nam (.vn); 2.749 tên miền quốc tế (.com, .net, .pro, ...).

5. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng

a) Hạ tầng kỹ thuật CNTT khối Đảng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành từ Tỉnh ủy đến các cấp ủy địa phương thông qua hệ thống mạng. 100% cơ quan, đơn vị khối Đảng có mạng LAN hoạt động ổn định; mạng số liệu chuyên dùng kết nối tới 161/161 đầu mối trong tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh uỷ, các Ban thuộc Tỉnh ủy, 12 huyện ủy, thành ủy; 02 đảng uỷ khối và 147 đảng ủy cấp xã).

b) Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp (Lotus Notes) được triển khai tại 100% các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện; các CSDL, phần mềm chuyên ngành được đưa vào sử dụng như: CSDL văn kiện Đảng; CSDL đảng viên; phần mềm chuyên ngành kiểm tra Đảng,...

c) Trang TTĐT khối Đảng trên Cổng TTĐT của tỉnh đã kịp thời tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định, cơ cấu tổ chức, bộ máy công tác lãnh, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, nghiên cứu, vận dụng. Từ đó có thông tin phản hồi, tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp hiệu quả giúp công tác lãnh, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh ngày càng tốt hơn. Đặc biệt, nhận thức của các cấp ủy đảng, lãnh đạo các cơ quan về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của ứng dụng CNTT được nâng lên, tạo sự thống nhất cao trong triển khai thực hiện.

6. Về nhân lực CNTT

a) Nguồn nhân lực CNTT có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu ứng dụng và phát triển CNTT.

b) 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có kỹ năng sử dụng máy tính phục vụ chuyên môn; 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ chuyên trách về CNTT đạt trình độ đại học chuyên ngành CNTT trở lên. Hàng năm tỉnh đã tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn nâng cao về CNTT cho cán bộ chuyên trách CNTT nói riêng và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh nói chung.

c) Nhân lực CNTT trình độ cao làm việc trong các doanh nghiệp viễn thông, CNTT trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp viễn thông chủ lực trên địa bàn tỉnh như VNPT, Mobifone, Viettel đã tự nghiên cứu phát triển và chuyển giao nhiều ứng dụng CNTT như: phần mềm tính cước viễn thông, hệ thống quản lý chăm sóc khách hàng, hệ thống thông tin quản lý trường học như VNPT school, quản lý bệnh viện VNPT HIS, Viettel HIS, ứng dụng du lịch thông minh,... Năm 2008, mật độ điện thoại trung bình trên địa bàn tỉnh đạt 75 thuê bao/100 dân, đến nay đạt 113 thuê bao/100 dân; xu hướng sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet, gói dịch vụ viễn thông 3G, 4G, sử dụng các ứng dụng trực tuyến ngày càng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước triển khai ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn.

7. Về an toàn, an ninh thông tin

a) Năm 2016, UBND tỉnh đã thành lập Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính; đây là đội ngũ nòng cốt, đầu mối liên kết, phối hợp với các đơn vị triển khai công tác an toàn, an ninh thông tin. Đội ứng cứu sự cố mạng thường xuyên triển khai các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, chỉ đạo của UBND tỉnh về an toàn, an ninh thông tin; chủ động cảnh báo về an toàn mạng máy tính và triển khai các biện pháp khắc phục sự cố đến các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Kịp thời cập nhật các cảnh báo, quy chế, chính sách đảm bảo an toàn thông tin lên chuyên trang an toàn thông tin tại địa chỉ http://attt.lamdong.gov.vn.

b) Sở Thông tin và Truyền thông - Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo 94 thường xuyên triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh, chỉ đạo tăng cường hoạt động, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các âm mưu, hoạt động "Diễn biến hòa bình" trên tất cả các lĩnh vực; không ngừng đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc đi ngược với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Từ năm 2015 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền

thông phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (VNCERT) triển khai 02 đợt diễn tập ứng cứu sự cố máy tính, đào tạo 150 lượt học viên là đoàn viên thanh niên, 500 lượt học viên là cán bộ, công chức, viên chức về an toàn, an ninh thông tin; phối hợp với Cục An toàn thông tin thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ phụ trách an toàn thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

III. Ưu điểm, tồn tại

1. Ưu điểm

a) Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sâu sát việc ứng dụng và phát triển CNTT, tạo chuyển biến tích cực, lan toả mạnh mẽ trong toàn xã hội, đặc biệt là sự quan tâm, đồng thuận lớn của các cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân trong toàn tỉnh. Ứng dụng CNTT là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp hạng về cải cách hành chính của các cơ quan; cán bộ, công chức, viên chức đã hình thành thói quen ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, xử lý công việc chuyên môn.

b) Hạ tầng CNTT được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu công việc, làm nền tảng triển khai thực hiện chính quyền điện tử; hạ tầng mạng viễn thông, internet hiện đại, tiên tiến, phát triển rộng khắp từ trung tâm đến vùng sâu, vùng xa tạo thuận lợi cho ứng dụng và phát triển CNTT.

c) Nhiều ứng dụng CNTT được triển khai phục vụ đắc lực cho công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. An toàn, an ninh thông tin được các cơ quan, đơn vị quan tâm, chú trọng, bảo đảm không để xảy ra sự cố lộ lọt, mất an toàn, an ninh thông tin.

d) Các cơ chế, chính sách về ứng dụng và phát triển CNTT được ban hành và chỉ đạo thực hiện đầy đủ, thống nhất và đồng bộ trên địa bàn tỉnh; ngân sách chi cho ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước được tăng lên theo từng năm.

đ) CNTT được áp dụng rộng rãi trên hầu hết các lĩnh vực đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội mang lại nhiều lợi ích cho người dân, doanh nghiệp, nhất là trong lĩnh vực chăm sóc y tế, khám chữa bệnh, giáo dục, đào tạo, khai báo hải quan, thuế, ngân hàng, quản lý đô thị, quảng bá du lịch,... Các doanh nghiệp đã chủ động đẩy mạnh ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng cường cạnh tranh, xúc tiến thương mại và đầu tư.

2. Tồn tại, hạn chế

a) Về chỉ đạo, điều hành: lãnh đạo một số cơ quan chưa thực sự quan tâm chỉ đạo, giám sát việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong cơ quan mình, do vậy

việc ứng dụng CNTT tại một số cơ quan chưa hiệu quả, chưa khai thác hết chức năng, công suất của hệ thống đã được đầu tư.

b) Về kinh phí đầu tư: tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư, ứng dụng trong các cơ quan; một số đơn vị cấp huyện đã xây dựng chương trình hành động và kế hoạch ứng dụng CNTT thực hiện Nghị quyết 16 nhưng hàng năm vẫn chưa chủ động phân bổ kinh phí để thực hiện.

c) Một số ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước còn rời rạc, chưa kết nối, chia sẻ thông tin; các hệ thống thông tin chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử chậm được triển khai; trang TTĐT của một số ngành, địa phương chưa thường xuyên cập nhật nội dung; các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao chưa được người dân và doanh nghiệp sử dụng rộng rãi.

d) Nguồn nhân lực triển khai ứng dụng CNTT còn thiếu, chất lượng chưa cao; thiếu nhân lực giỏi về CNTT ở cấp huyện, cấp xã.

đ) Công nghiệp CNTT chậm phát triển, chưa hình thành được khu công nghiệp CNTT tập trung của tỉnh; nguồn vốn xã hội hóa đầu tư và phát triển CNTT chưa nhiều, chủ yếu chi từ ngân sách nhà nước trong khi nguồn lực đầu tư ứng dụng CNTT của tỉnh còn khó khăn.

e) Việc triển khai quy hoạch tổng thể phát triển CNTT đến năm 2020 còn nhiều hạn chế, nhiều đơn vị còn lúng túng, chưa chủ động thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của đơn vị mình; kinh phí đầu tư phát triển CNTT chưa đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

a) Một số lãnh đạo chưa thực sự quyết tâm, chỉ đạo sâu sát, ưu tiên ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên. Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến, kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực CNTT chưa rộng rãi, phong phú, còn đơn điệu, thiếu chiều sâu.

b) Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp để lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT có lúc chưa kịp thời; nhận thức về phát triển và ứng dụng CNTT của một bộ phận đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức chưa đầy đủ.

c) Ngân sách đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh có tăng nhưng chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và yêu cầu về phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

d) Công tác đào tạo, bồi dưỡng về CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã chưa được thường xuyên.

đ) Chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ nhằm khuyến khích, động viên, thu hút nguồn nhân lực CNTT. Trình độ cán bộ ứng dụng và phát triển CNTT ở cấp huyện, cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NHỮNG NĂM TỚI

1. Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý về CNTT

a) Các cấp ủy, chính quyền nâng cao trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề án ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh và của từng cơ quan để xây dựng thành công chính quyền điện tử Lâm Đồng.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển CNTT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, nhất là trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

c) Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về CNTT và truyền thông ở các cấp; thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý CNTT; thực hiện nghiêm các quy chế, quy định về khai thác, cập nhật và chia sẻ thông tin.

d) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, Nghị quyết 16 về phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

đ) Tăng cường quản lý nhà nước về CNTT; tập trung thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh; đảm bảo cho các doanh nghiệp CNTT phát triển lành mạnh, bình đẳng, hiệu quả.

2. Tăng cường đầu tư hoàn thiện hạ tầng CNTT và đẩy mạnh phát triển ứng dụng CNTT

a) Tập trung thúc đẩy phát triển, tạo bứt phá về hạ tầng, ứng dụng, nhân lực CNTT và truyền thông; phát triển hạ tầng kết nối, chia sẻ tài nguyên số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tạo cơ hội để phát triển.

b) Hình thành nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh; cho phép kết nối, chia sẻ giữa các ứng dụng, hệ thống thông tin trong tỉnh; kết nối với nền tảng tích hợp dịch vụ Chính phủ điện tử quốc gia để kết nối với các bộ, ngành trung ương và các tỉnh trong cả nước.

c) Triển khai xây dựng thành công chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng, xây dựng thành phố Đà Lạt thành thành phố thông minh; rà soát các quy hoạch, kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm để triển khai, phù hợp với xu thế phát triển của

cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên các lĩnh vực internet vạn vật, CSDL lớn, trí tuệ nhân tạo, blockchain, công nghệ trợ lý ảo, robot thông minh,... xây dựng chiến lược chuyển đổi số, quản trị thông minh, ưu tiên phát triển chính quyền số, đô thị thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh.

d) Phát triển hạ tầng viễn thông tiên tiến, hiện đại với tốc độ truy cập cao, băng thông rộng; mở rộng mạng lưới viễn thông và CNTT đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phục vụ tốt nhu cầu xã hội và công tác lãnh đạo, điều hành của Đảng và nhà nước.

d) Chú trọng đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong quá trình xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh; tăng cường đầu tư, phát triển năng lực phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

3. Phát huy tiềm lực xã hội trong phát triển CNTT

a) Phát triển thị trường CNTT, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ CNTT; các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cơ sở hạ tầng sẵn có; xây dựng cơ chế, chính sách đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp CNTT và truyền thông; thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường viễn thông, CNTT và internet.

b) Nghiên cứu, đề xuất chính sách, nội dung, phương pháp giáo dục và dạy nghề nhằm đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới; xã hội hoá việc ứng dụng và phát triển CNTT, huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất nhiều ứng dụng và phát triển CNTT thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh; tập trung ngân sách tỉnh đầu tư các dự án cấp bách, trọng tâm, trọng điểm có tính đột phá, tạo nền móng xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Ủy viên BTVTU,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu VPTU, XD_3.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

Trần Đức Quận